

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Theo Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 235/BC-STP ngày 31/8/2022 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 336 /TTr-TNMT ngày 07/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, khai thác phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2022.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- V0, V1-3, MT;
- Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 127

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

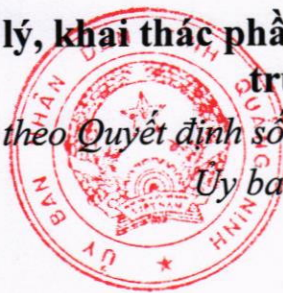


Phạm Văn Thành

QUY CHẾ

Quản lý, khai thác phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ninh

(Kèm theo Quyết định số 26 /2022/QĐ-UBND ngày 19 / 9 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung liên quan quản lý, khai thác phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, bao gồm: Các nguyên tắc, quy định về cập nhật, chuyển giao, tiếp nhận, khai thác, lưu trữ, duy trì vận hành hoạt động, trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức/cá nhân có liên quan đến quản lý, khai thác phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường và phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường

1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, bao gồm: Tập hợp thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị (hoặc phần mềm) an ninh, an toàn mạng và cơ sở dữ liệu, thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN).

2. Cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường (từ đây viết tắt là Dữ liệu) là tập hợp các dữ liệu có tổ chức được lưu trữ và truy cập điện tử, bao gồm:

a. Dữ liệu quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Ninh.

b. Dữ liệu quan trắc tài nguyên nước theo giấy phép được cấp bao gồm:

- Dữ liệu quan trắc nước mặt theo giấy phép được cấp.

- Dữ liệu quan trắc nước ngầm theo giấy phép được cấp.

- Dữ liệu quan trắc xả thải theo giấy phép được cấp.

c. Dữ liệu quan trắc kiểm soát ô nhiễm môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thực hiện xây dựng, báo cáo, quản lý theo quy định tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện trên địa bàn tỉnh hoặc Giấy phép môi trường.

d. Dữ liệu quan trắc môi trường từ các cuộc thanh tra, kiểm tra (định kỳ, đột xuất).

e. Dữ liệu quan trắc môi trường định kỳ trong nuôi trồng thủy sản.

3. Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (*từ đây viết tắt là Phần mềm*) là phần mềm nội bộ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, là một thành phần trong hệ thống phần mềm thuộc chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ninh, được triển khai thống nhất trong toàn tỉnh, được cài đặt tại hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh để quản lý dữ liệu quan quy định tại khoản 2 Điều này, là sản phẩm của dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường phục vụ công tác quản lý môi trường tỉnh Quảng Ninh được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện tại Quyết định số 4396/QĐ-UBND ngày 17/10/2019.

a. Thành phần chính của Phần mềm, bao gồm:

- Hệ điều hành.
- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
- Phần mềm ứng dụng.
- Và các phần mềm hỗ trợ khác.

b. Các chức năng chính của phần mềm, bao gồm:

- Quản lý, cập nhật dữ liệu quan trắc môi trường định kỳ, đột xuất.
- Quản lý thông tin liên quan tới hoạt động tạo lập dữ liệu quan trắc môi trường định kỳ, đột xuất như: Các giấy phép, thủ tục môi trường; cuộc thanh, kiểm tra; thông tin nguồn thải.
- Tính toán thuật toán đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường.
- Báo cáo, thống kê và kết xuất thông tin.
- Tìm kiếm thông tin theo yêu cầu người dùng.
- Quản trị Phần mềm, dữ liệu: Đăng ký, phân quyền và giám sát người dùng, thực thi bảo mật dữ liệu, giám sát hiệu suất, sao lưu, duy trì tính toàn vẹn dữ liệu, xử lý kiểm soát đồng thời, khôi phục thông tin đã bị hỏng do một số sự kiện như lỗi hệ thống không mong muốn và các chức năng khác để duy trì hoạt động Phần mềm ổn định, an toàn.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, khai thác

1. Phần mềm và Dữ liệu được quản lý, khai thác liên tục phục vụ công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ; đảm bảo an toàn, bảo mật trong toàn quá trình xây dựng, chuyển giao - tiếp nhận, bảo quản, cập nhật, sao lưu, lưu trữ vào phần mềm và trong quá trình khai thác trên hạ tầng, không gian mạng. Thông tin tại dữ liệu điện tử thống nhất và có giá trị tương đương với thông tin tại dữ liệu giấy.

3. Phần mềm, Dữ liệu được quản lý, khai thác đảm bảo các nội dung tại Quy chế này. Chỉ những người có thẩm quyền hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền, cho phép bằng văn bản mới được phép cung cấp thông tin, tiếp

cận nghiên cứu để bảo trì, điều chỉnh, nâng cấp, chia sẻ, kết nối phần mềm, Dữ liệu với các ứng dụng, Phần mềm, Dữ liệu khác.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Truy cập trái phép hoặc cố ý nâng quyền truy cập vào Phần mềm.
2. Sử dụng Dữ liệu, Phần mềm vào mục đích vụ lợi cá nhân, xuyên tạc sự thật, bôi xấu, làm ảnh hưởng hoặc chống phá cơ quan nhà nước.
3. Cung cấp, để lộ tên, mật khẩu đăng nhập vào Phần mềm cho cá nhân, tổ chức không được giao quyền và trách nhiệm quản lý, sử dụng.
4. Lây lan virus, phá hoại Phần mềm, Dữ liệu.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ, KHAI THÁC PHẦN MỀM, DỮ LIỆU

Điều 6. Truy cập phần mềm và phân cấp tài khoản người dùng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện truy cập vào Phần mềm qua trình duyệt theo địa chỉ: <https://qmtt.quangninh.gov.vn>.

2. Phân cấp tài khoản người dùng:

a. Mỗi cá nhân, tổ chức được cấp một tài khoản người dùng để thực hiện truy cập quản lý, khai thác Dữ liệu theo phân cấp tài khoản người dùng như sau:

- Nhóm tài khoản quản trị: Cấp cho các cá nhân, tổ chức là quản trị viên trực thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường để quản trị Phần mềm, dữ liệu, quản lý tài khoản đăng nhập theo Quy chế này.

- Nhóm tài khoản quản lý: Cấp cho các cá nhân, tổ chức là người dùng được phân công quản lý, khai thác dữ liệu thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn, Ban Quản lý vịnh Hạ Long, Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thực hiện xây dựng, quản lý, khai thác các dữ liệu tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

- Nhóm tài khoản khách: Cấp cho người dùng là tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu được phép công bố, công khai tại Phần mềm.

b. Các cơ quan, tổ chức tại Nhóm tài khoản quản lý định kỳ rà soát, cập nhật, gửi danh sách thông tin cá nhân được phân công quản lý, khai thác Phần mềm, dữ liệu bằng văn bản tới Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường để Trung tâm tổng hợp trình Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt và thực hiện cấp quyền đăng nhập. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con (như Tập đoàn công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam - TKV) thì Công ty mẹ được cấp quyền quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường của các công ty con, đơn vị trực thuộc.

c. Mỗi cá nhân, tổ chức thuộc nhóm tài khoản quản lý được cấp tài khoản đăng nhập có trách nhiệm bảo quản, bảo đảm an toàn tài khoản truy cập; khi cá

nhân chuyên công tác hoặc nghỉ chế độ phải thực hiện bàn giao tài khoản đăng nhập cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Điều 7. Chuyển giao, tiếp nhận, cập nhật, lưu trữ, sao lưu, khai thác dữ liệu

1. Chuyển giao, tiếp nhận, cập nhật dữ liệu

a. Cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng vũ trang tại nhóm tài khoản quản lý quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này phân công cá nhân hoặc tổ chức tổng hợp dữ liệu bản giấy hoặc bản điện tử (kèm theo bản giấy), thông báo chuyển giao dữ liệu bằng văn bản tới Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ 03 tháng/lần hoặc theo thỏa thuận (bằng văn bản) với Trung tâm để đảm bảo Dữ liệu được cập nhật kịp thời phục vụ quản lý nhà nước hiệu quả. Việc chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị phải được thực hiện trên cơ sở Biên bản bàn giao tiếp nhận rõ khối lượng, rõ trách nhiệm từng bên.

b. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tại nhóm tài khoản quản lý quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này báo cáo dữ liệu (bản giấy, lồng ghép trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định) về cơ quan nhà nước; đồng thời tự thực hiện chuyển đổi dữ liệu sang dạng số (bản điện tử) chuyển giao, cập nhật, lưu trữ vào phần mềm (*đối với 100% cơ sở sản xuất xi măng, nhiệt điện, kinh doanh, chế biến, sản xuất than trên địa bàn tỉnh; đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác thực hiện từ năm 2025*) theo tài khoản do Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường cấp; tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của dữ liệu đã chuyển đổi, cập nhật, lưu trữ vào phần mềm.

c. Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường lập kế hoạch, tổ chức thực hiện tiếp nhận, rà soát thống nhất dữ liệu (tại bản điện tử và bản giấy), chuyển đổi dữ liệu từ dạng giấy sang dạng số (dạng điện tử) và cập nhật, lưu trữ dữ liệu vào Phần mềm đảm bảo tính kịp thời, toàn vẹn dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước đạt hiệu quả.

2. Khai thác dữ liệu

a. Người dùng thuộc nhóm tài khoản quản lý thực hiện khai thác dữ liệu tại phần mềm thường xuyên, liên tục để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.

b. Người dùng thuộc nhóm tài khoản khách khi sử dụng dữ liệu từ Phần mềm phải ghi rõ nguồn gốc thông tin, dữ liệu được trích dẫn từ *Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ninh*.

3. Sao lưu, lưu trữ dữ liệu

Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra thường xuyên và thực hiện các biện pháp tiếp nhận, sao lưu, lưu trữ dữ liệu tại phần mềm định kỳ hàng tuần, hàng tháng đảm bảo an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm tính tương thích, ổn định dữ liệu lưu trữ trong toàn hệ thống ngay cả khi có sự thay đổi về thiết bị, công nghệ

hoặc kết nối với Ứng dụng, Phần mềm, Dữ liệu khác theo yêu cầu, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Nguồn vốn và kinh phí

1. Kinh phí thu thập, xử lý, cập nhật, vận hành, tổ chức quản lý, duy trì hoạt động, phát triển Phần mềm, Dữ liệu tại Quy chế này được cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường từ nguồn ngân sách tỉnh hàng năm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, lập kế hoạch, dự toán kinh phí quản lý, duy trì hoạt động của Phần mềm, Dữ liệu trình Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt cấp kinh phí hàng năm để thực hiện đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 9. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Là cơ quan chủ trì tham mưu, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai Quy chế thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh; cung cấp tài khoản người dùng; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, báo cáo UBND tỉnh khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, phát huy hiệu quả Quy chế, Phần mềm, Dữ liệu.

2. Chi cục Bảo vệ môi trường:

a. Đầu mối tổng hợp, tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai Quy chế thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Quy chế, công tác quản lý, khai thác Phần mềm, Dữ liệu định kỳ, đột xuất; thực hiện công tác quản lý nhà nước về Phần mềm, dữ liệu đối với các đối tượng, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao quản lý.

b. Chủ trì tổng hợp tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định các biện pháp xử lý, khắc phục theo quy định (trong trường hợp phát hiện vi phạm, trường hợp Dữ liệu vượt quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, trường hợp Phần mềm, Dữ liệu có sự cố).

c. Tổng hợp tham mưu các đề xuất của Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường và các cơ quan, đơn vị trình Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp Phần mềm, Dữ liệu để đáp ứng yêu cầu quản lý hoặc kết nối, trao đổi thông tin với các ứng dụng, phần mềm khác khi có yêu cầu.

d. Chủ trì tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyên môn, phổ biến việc thực hiện Quy chế cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh để quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả Phần mềm, dữ liệu.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường

a. Chủ trì tổ chức quản lý, quản trị Phần mềm, Dữ liệu, hệ thống mạng kết nối đường truyền dữ liệu và các hạ tầng kỹ thuật liên quan khác để đảm bảo hoạt động ổn định, liên tục; tổ chức lưu trữ, sao lưu Dữ liệu tại máy chủ đảm bảo an toàn, kế thừa liên tục thông tin Dữ liệu.

b. Tổng hợp đề xuất, trình Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt cấp tài khoản người dùng; giám sát hoạt động của tài khoản người dùng, trong trường hợp phát hiện vi phạm trong quản lý tài khoản, có trách nhiệm khóa tài khoản, báo cáo và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền, liên quan để xử lý, giải quyết theo quy định.

c. Chủ trì tổng hợp xây dựng Kế hoạch, Dự toán kinh phí hàng năm và đột xuất (trong trường hợp xử lý, khắc phục sự cố hoặc theo nhu cầu, chỉ đạo về điều chỉnh, nâng cấp, kết nối, chia sẻ phần mềm, dữ liệu) báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh cấp kinh phí thực hiện.

d. Đầu mối phối hợp cùng Chi cục bảo vệ môi trường tiếp nhận và xử lý các yêu cầu hỗ trợ về kỹ thuật, chuyên môn quản lý, khai thác Phần mềm, Dữ liệu của các tổ chức, cá nhân người dùng.

e. Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, đơn vị cung cấp Phần mềm thực hiện:

- Đào tạo, tập huấn cán bộ, người dùng về chuyên môn, kỹ thuật quản lý, vận hành, khai thác Phần mềm, Dữ liệu.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý, khai thác Phần mềm, Dữ liệu và chấp hành các quy định tại Quy chế.

- Xây dựng phương án sửa chữa, khắc phục sự cố liên quan đến Phần mềm, Dữ liệu, Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu quản lý hoặc kết nối Phần mềm, trao đổi thông tin Dữ liệu với các ứng dụng, phần mềm khác khi có yêu cầu trình các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Chi cục Bảo vệ môi trường) để tổng hợp quản lý theo quy định tại Quy chế này.

Điều 10. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn, Ban Quản lý vịnh Hạ Long, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh:

1. Tăng cường thực hiện hoặc tham mưu UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) khai thác, phát huy hiệu quả đầu tư Phần mềm, dữ liệu để thực hiện chức năng quản lý tài nguyên, môi trường, quản lý các đối tượng, địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Quy chế định kỳ hoặc đột xuất (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường); hàng năm rà soát, ban hành văn bản

chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cơ sở, sản xuất kinh doanh thuộc nhóm tài khoản quản trị thực hiện cập nhật Dữ liệu và tổ chức quản lý, khai thác Phần mềm Dữ liệu, thực hiện Quy chế đảm bảo thống nhất, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

3. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị để quản lý, khai thác Phần mềm, dữ liệu.

4. Quản lý, cung cấp thông tin tài khoản người dùng, thông tin kế hoạch tổng thể cập nhật dữ liệu của cơ quan (bằng văn bản) trước ngày 30/6 hàng năm hoặc đột xuất (theo chỉ đạo của cấp trên trực tiếp, điều kiện thực tế phát sinh) về Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường) để được duyệt cấp quyền truy cập, lập kế hoạch, dự toán, chương trình tiếp nhận chuyển giao dữ liệu phục vụ quản lý, khai thác Phần mềm, dữ liệu.

5. Chỉ đạo, đôn đốc cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện quản lý, khai thác Phần mềm, dữ liệu đúng nguyên tắc, theo quy định tại Quy chế này; thực hiện giám sát các số liệu quan trắc môi trường định kỳ của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; có biện pháp xử lý, khắc phục hoặc chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh (trong trường hợp vượt thẩm quyền) chỉ đạo xử lý, khắc phục theo quy định trong trường hợp phát hiện vi phạm, Dữ liệu vượt quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, hoặc Phần mềm, Dữ liệu có sự cố.

6. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc áp dụng, thực hiện Quy chế, quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm, Dữ liệu, Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này.

Điều 11. Sở Tài chính

Tổng hợp tham mưu, trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí hàng năm hoặc phát sinh đột xuất để duy trì hoạt động và phát triển Phần mềm, dữ liệu đảm bảo thường xuyên, liên tục, an toàn, hiệu quả.

Điều 12. Các cơ sở, tổ chức, cá nhân là đối tượng áp dụng Quy chế

1. Đối với các cơ sở, tổ chức, cá nhân thuộc nhóm tài khoản người dùng quản lý quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này:

- Chủ động đảm bảo hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để quản lý, khai thác Phần mềm, dữ liệu của cơ quan, đơn vị.

- Quản lý, cung cấp thông tin tài khoản người dùng Phần mềm, dữ liệu của cơ quan (bằng văn bản) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm Công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường) để được cấp quyền truy cập, quản lý, khai thác Phần mềm, dữ liệu.

- Thực hiện quản lý, khai thác Phần mềm, Dữ liệu đúng nguyên tắc, theo quy định tại Quy chế này.

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc kiểm tra việc áp dụng, thực hiện Quy chế, quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm, Dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại cơ sở.

- Phối hợp với cơ quan nhà nước (Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan tiếp nhận, quản lý trực tiếp dữ liệu của cơ sở) thực hiện các giải pháp khắc phục sự cố, vi phạm; phối hợp tham gia ý kiến điều chỉnh, hoàn thiện Quy chế, Dữ liệu, Phần mềm (nếu có) phù hợp nhu cầu của cơ sở quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả dữ liệu, phần mềm trong thực tiễn và phù hợp các quy định của Nhà nước và Pháp luật hiện hành.

2. Đối với các cơ sở, tổ chức, cá nhân thuộc nhóm tài khoản người dùng khai thác quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quy chế này:

- Thực hiện khai thác, sử dụng Dữ liệu tại Phần mềm theo quy định tại Quy chế này.

- Tham gia ý kiến (nếu có) để hoàn thiện Quy chế, Dữ liệu, Phần mềm phù hợp các quy định của Nhà nước, Pháp luật và nhu cầu sử dụng, khai thác trong thực tiễn trực tiếp của tổ chức, cá nhân tại Phần mềm.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quy chế về UBND tỉnh định kỳ 01 lần/năm (trước ngày 31/12) và đột xuất theo thực tế phát sinh nhiệm vụ hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Cơ quan, đơn vị và cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, căn cứ yêu cầu thực tế, UBND tỉnh sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.